TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 6 - 2023
V/v ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Đắc Minh

2. Ông Trương Hữu Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 126/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số A, đường B, khu phố C, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Tấn L, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số A, đường B, khu phố C, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn (bà N) trình bày:

Bà N và ông L chung sống với nhau từ năm 2002, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hiện nay vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc nhau do không còn yêu thương nhau, đời sống vợ chồng quá tẻ nhạt và mệt mỏi, không có hạnh phúc nên không còn sống chung khoảng 03 năm nay. Tình cảm

vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên nguyên đơn quyết định làm đơn xin ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Tấn Đ, sinh ngày 26/01/2011 và Ngô Công L1, sinh ngày 12/12/2013. Bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

Theo biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn (ông L) trình bày:

Ông L thống nhất với lời trình bày của bà N về quá trình chung sống với nhau từ năm 2002, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà N thì ông L đồng ý vì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ sống chung với nhau được nữa.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Tấn Đ, sinh ngày 26/01/2011 và Ngô Công L1, sinh ngày 12/12/2013. Ông L đồng ý giao bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, do bà N không yêu cầu nên ông L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bị đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại các Điều 26, 35, 39 về thẩm quyền thụ lý vụ án; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; các Điều 93 đến 97 về việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Điều 195, 196 về trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy: Năm 2002, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, không tổ chức lễ cưới cũng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng. Về con chung, do hai con chung có nguyện vọng được sống với nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết "ly hôn; tranh chấp về nuôi con", đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức lễ cưới cũng không đăng ký kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân không hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, giải thích cho nguyên đơn, bị đơn biết, hai bên đương sự sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến nay, có con chung nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được công nhận là vợ chồng. Nguyên đơn, bị đơn có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nếu nguyên đơn và bị đơn có thiện chí đoàn tụ về chung sống với nhau thì tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quan hệ hôn nhân của hai bên đương sự được xác lập từ thời điểm đăng ký kết hôn. Tuy nhiên nguyên đơn, bị đơn vẫn kiên quyết xin ly hôn vì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, không còn sống chung từ năm 2020 đến nay, không thể đoàn tụ sống chung với nhau được nữa.

Vì vậy, căn cứ Điều 9, 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng.

2.2. Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Tấn Đ, sinh ngày 26/01/2011 và Ngô Công L1, sinh ngày 12/12/2013. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Theo bản tự khai ngày 09/5/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2023, hai con chung có nguyện vọng được sống với mẹ là nguyên đơn, mong muốn được nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bị đơn đồng ý giao cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Vì vậy cần tiếp tục giao hai con chung tên Ngô Tấn Đ và Ngô Công L1 cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của hai con chung. Yêu cầu của nguyên đơn về con chung là phù hợp với quy định tại Điều 15, 69, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điều 14, 15, 69, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 17 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Ngô Tấn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Ngô Tấn Đ, sinh ngày 26/01/2011 và Ngô Công L1, sinh ngày 12/12/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N về việc không yêu cầu ông Ngô Tấn L cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0011573 ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/6/2023)./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện Dầu Tiếng;
- UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 160/HNGĐ-TLBA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dầu Tiếng, ngày 31 tháng 7 năm 2023

TRÍCH LỤC
BẢN ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH SƠ THẨM

Tại Bản án số 33/2023/HNGĐ-ST, ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương về việc "ly hôn; tranh chấp về nuôi con", giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số A, đường B, khu phố C, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Tấn L, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số A, đường B, khu phố C, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG TỈNH BÌNH DƯƠNG ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điều 14, 15, 69, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 17 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Ngô Tấn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Ngô Tấn Đ, sinh ngày 26/01/2011 và Ngô Công L1, sinh ngày 12/12/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị N về việc không yêu cầu ông Ngô Tấn L cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu số AA/2021/0011573 ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

Bản án đã có hiệu lực pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện Dầu Tiếng;
- UBND thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hoàng